

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài

2. Bà Phạm Thị Bông

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 24/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/01/2011 và được gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán. Sau khi cưới, anh chị chung sống hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về cách phát triển kinh tế gia đình. Hơn nữa, do anh D không tin tưởng chị trong quan hệ xã hội, ghen tuông không có căn cứ, nên vợ chồng thường cãi cọ, xô xát; nhiều lần anh D xúc phạm, đánh đuổi chị. Năm 2015, do anh D đánh đuổi, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn L, xã N, huyện T, Hải Dương sinh sống. Sau đó, anh D có đến nói chuyện và đón chị về. Do thương con, chị về chung sống với anh D. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian ngắn, anh chị lại xảy ra mâu thuẫn và trầm trọng hơn. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo, động viên và chị đã cố gắng hàn gắn nhưng hôn nhân của anh chị không được cải

thiện. Tháng 9 năm 2020, do không chịu đựng được cuộc sống hôn nhân với anh D, chị lại chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể kéo dài quan hệ hôn nhân, chị khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 29/9/2011 và Trần Gia B, sinh ngày 13/9/2015; hiện do anh D và bố mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi chị với anh D sống ly thân, chị vẫn đến thăm nom, mua đồ dùng và đóng tiền học cho con. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Trần Gia B và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Văn D đã được tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh không đến làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai hoặc tài liệu, chứng cứ của anh Trần Văn D.

Tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai người thân của chị N và Anh D thể hiện: Điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân của chị Vũ Thị N và anh Trần Văn D phù hợp với đơn khởi kiện, lời khai của chị N. Giữa chị N và anh D có mâu thuẫn, đã được gia đình khuyên bảo, địa phương hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị không được cải thiện. Từ tháng 9/2020 chị N về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Đối với việc chị N xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị N giữ nguyên ý kiến như đã trình bày; anh Trần Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và mở phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N. Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trần Văn D; về con chung: Giao cháu Trần Bảo K, sinh ngày 29/9/2011 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 13/9/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K, cháu B đủ 18 tuổi. Anh D và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị N, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị N khởi kiện tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn – anh Trần Văn D có địa chỉ tại Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Trần Văn D vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Trần Văn D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 17/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh chị không hòa hợp về lối sống, sinh hoạt và việc phát triển kinh tế gia đình dẫn đến mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng và không thể giải quyết, chị N về nhà bố mẹ để chị sinh sống, ly thân với anh D từ tháng 9/2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, gặp gỡ nhau. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của người làm chứng và tài liệu xác minh tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không trình bày ý kiến đối với việc chị N xin ly hôn anh, thể hiện sự không thiện chí mong muốn hôn nhân của anh chị tồn tại. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa Nga và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử có căn cứ để xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trần Văn D.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Bảo K, sinh ngày 29/9/2011 và Trần Gia B, sinh ngày 13/9/2015. Cháu Trần Bảo K đang do ông bà nội và bố cháu nuôi dưỡng, việc sinh hoạt, học tập ổn định và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Nên giao cháu K cho anh Trần Văn D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Vũ Thị N có đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con và có nguyện vọng được nuôi con, nên giao cháu Trần Gia B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D và chị N đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Bảo K, sinh ngày 29/9/2011 cho anh Trần Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung Trần Gia B, sinh ngày 13/9/2015 cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002346 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương
(CNKH số 06/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính